

Bản án số: 138/2018/KDTM-PT
Ngày: 26/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng cung
ứng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Ông Lê Công Toại

Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLPT- KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ”.

Do Bản án sơ thẩm số 109/2017/KDTM - ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2802/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7828/2017/QĐ – PT ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G.

Địa chỉ: 88-88A đường D2, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1986 (có mặt), là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 01 ngày 24/02/2016.

Bị đơn: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T.

Địa chỉ: 212 đường Q, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 12-14 A13 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Quang V (có mặt), Chức danh: Giám đốc, là đại diện theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Xuân T (có mặt), là Luật sư của Công ty Luật Hợp danh S, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy Q trình bày:

Ngày 20/11/2014, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G (gọi tắt là Công ty G) và Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T (gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng số 2011 – 2014/GPD-AF, theo đó Công ty G chịu trách nhiệm mua sản phẩm Ashford formula từ nhà phân phối chính thức tại Việt Nam, chịu trách nhiệm về chất lượng và kỹ thuật thi công sản phẩm này trên sàn bê tông cho công trình xây dựng kho hàng hóa tại cổng số 7, đường B, Phường 2, quận T của Công ty T.

Đơn giá thi công là 66.930đồng/m², khối lượng công việc là 3.123m², tổng giá trị hợp đồng là 233.224.629đồng, giá trị thanh toán phụ thuộc vào khối lượng thực tế thi công.

Ngày 08/12/2014, Công ty T ký xác nhận khối lượng thi công mà Công ty G đã hoàn thành là 2.686m², giá trị hợp đồng sau thuế là 201.051.378đồng, Công ty T đã thanh toán cho Công ty G số tiền là 69.967.389đồng, số tiền còn lại mà Công ty T chưa thanh toán cho Công ty G là 131.083.989đồng (nguyên đơn đồng ý tính tròn số 131.000.000đồng). Ngày 13/01/2015, Công ty G đã yêu cầu Công ty T ký biên bản nghiệm thu bàn giao công trình nhưng bị đơn đưa ra các lý do và không thực hiện.

Sau khi nhận công văn ngày 07/10/2015 của Công ty T về việc cho rằng sản phẩm thi công không đạt độ bóng theo yêu cầu, Công ty G đã cho nhân viên kỹ thuật đến công trình để kiểm tra sản phẩm và giải thích là sau thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng sau khi thi công sàn, nền kho mới đạt độ bóng. Sau đó, Công ty T tiếp tục sử dụng sản phẩm và không có ý kiến gì khác.

Theo Hợp đồng thì hai bên không quy định điều khoản chất lượng công trình một cách cụ thể, chỉ quy định một cách chung chung tại điểm 4.2.3 của Hợp đồng là “định mức 1 lít/m² (Ashford Formula) và đúng kỹ thuật cho bên A” (Tỷ lệ vật tư để đảm bảo chất lượng). Vì vậy, nếu có yêu cầu cơ quan chuyên môn kiểm định chất lượng công trình cũng không xác định được vì không có tiêu chuẩn cụ thể và bên cạnh đó, công trình đã đưa vào sử dụng từ khoảng tháng 01 năm 2015.

Do Hợp đồng không quy định độ bóng của sản phẩm một cách chi tiết cụ thể nên Công ty T cho rằng chất lượng sản phẩm Ashford formula trên sàn bê

tổng mà đã thi công không đạt độ bóng là không có cơ sở. Việc Công ty T cho rằng căn cứ vào những hình ảnh và phụ lục hợp đồng do Công ty T đưa ra để làm tiêu chí đánh giá độ bóng là không phù hợp vì đây là phụ lục – chương trình bảo trì mặt sàn sau khi thi công, đồng thời giới thiệu sản phẩm Ashford formula cùng hình ảnh đính kèm.

Nay Công ty G yêu cầu Công ty T thanh toán khoản nợ chưa thanh toán tính tròn số là 131.000.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu đồng). Công ty G rút lại các yêu cầu về khoản thanh toán tiền phạt vi phạm, tiền lãi chậm thanh toán.

Bị đơn là Công ty T có ông Phạm Văn L là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình quá giải quyết vụ án và ông Trần Quang V là người đại diện theo pháp luật trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Quá trình ký hợp đồng, khối lượng thi công và giá trị công trình đúng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty G. Tuy nhiên, sau khi thi công xong, Công ty T nhận thấy nền kho không đạt được chất lượng (về độ bóng) theo như quy định tại Phụ lục hợp đồng là: "...Sẽ tạo ra một mặt sàn bóng như đá cẩm thạch ngày càng đẹp hơn" và độ bóng không đạt như những hình ảnh giới thiệu sản phẩm của Công ty G đưa ra nên Công ty T không nghiệm thu được với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Kho vận K (theo Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 01/01/2015).

Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty G kiểm tra lại công trình, quy trình thi công cũng như chất lượng sản phẩm nhưng Công ty G trả lời là sau thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng sau khi thi công xong, nền kho mới đạt được độ bóng (việc trả lời của Công ty G là bằng lời nói, không có văn bản). Đến thời điểm ngày 07/10/2015, công trình đã sử dụng được 12 tháng nhưng độ bóng của nền kho không đạt yêu cầu như những tiêu chí trong phụ lục hợp đồng.

Công ty T đã yêu cầu Công ty G tiếp tục đến kiểm tra nhưng Công ty G chỉ cho nhân viên đến kiểm tra, sau đó không có ý kiến hay động tác gì để khắc phục (việc này chỉ trao đổi qua lời nói, qua điện thoại, không có lập văn bản).

Công ty T đã nộp bổ sung một số tài liệu chứng cứ, cụ thể gồm: Hình ảnh so sánh chất lượng Ashford formula, thư cam kết, biên bản nghiệm thu và bàn giao, công văn giữa Công ty T và Công ty Cổ phần Kho vận K, bảng chào giá giữa Công ty T và Công ty TNHH Thương mại L và có đơn kiến nghị yêu cầu cho thẩm định sản phẩm của Công ty G thi công, cho Công ty T thời gian để thực hiện quyền phản tố để yêu cầu Công ty G bồi thường thiệt hại do lỗi của nguyên đơn gây ra.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty T xác nhận nếu có yêu cầu cơ quan chuyên môn kiểm định chất lượng công trình cũng không xác định được vì không có tiêu chuẩn cụ thể và bên cạnh đó, công trình đã được đưa vào sử dụng từ khoảng tháng 01 năm 2015.

Do Công ty G không thực hiện việc thi công sản phẩm Ashford formula trên sàn bê tông (nền kho) theo đúng hợp đồng nên Công ty T không thanh toán tiếp cho Công ty G khoản tiền còn lại là 131.083.989 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 109/2017/KDTM-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G:

Buộc Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại G số tiền 131.000.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền phạt vi phạm, tiền lãi chậm thanh toán. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2017, Công ty T có đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty T là ông Võ Xuân T trình bày:

Công ty G thực hiện chưa đạt chất lượng theo hợp đồng đã ký kết với Công ty T. Tuy nhiên, để vụ việc được kết thúc nhanh chóng, Công ty T đồng ý hòa giải đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về số tiền mà Công ty T phải thanh toán cho Công ty G.

Nguyên đơn là Công ty G có ông Nguyễn Duy Q là đại diện theo ủy quyền và bị đơn là Công ty T có ông Trần Quang V là đại diện theo pháp luật tự nguyện thỏa thuận đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về số tiền mà Công ty T phải thanh toán cho Công ty G như sau:

Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty G số tiền còn lại theo Hợp đồng số 2011 – 2014/GPD-AF ngày 20/11/2014 là 100.000.000 đồng, thi hành vào ngày 26/01/2018.

Về án phí: Các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty G có ông Nguyễn Duy Q là đại diện theo ủy quyền và Công ty T có ông Trần Quang V là đại diện theo pháp luật tự nguyện thỏa thuận và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công ty T có trách nhiệm thanh toán phải thanh toán cho Công ty G số tiền còn lại theo Hợp đồng số 2011 – 2014/GPD-AF ngày 20/11/2014 là 100.000.000đồng, thi hành vào ngày 26/01/2018.

Về án phí: Các đương sự yêu cầu được giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Do các đương sự yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật nên Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 148, Điều 300 và 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 74, Điều 87 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn - Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G có ông Nguyễn Duy Q là đại diện theo ủy quyền và bị đơn - Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T có ông Trần Quang V là đại diện theo pháp luật như sau:

Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G số tiền phải thanh toán còn lại theo Hợp đồng số 2011 – 2014/GPD-AF ngày 20/11/2014 là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), thi hành vào ngày 26/01/2018.

Đình chỉ phần Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G yêu cầu Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T thanh toán khoản tiền phạt vi phạm, tiền lãi chậm thanh toán.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T phải chịu án phí sơ thẩm là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.539.268đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0002266 ngày 11/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng T số tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009748 ngày

29/9/2017 và 2.700.000đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009931 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận Tân phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong